TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2025/DS-ST
Ngày: 11-4-2025
V/v:"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tài**

Bà **Lê Thị Sáu**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thúy** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Lĩnh**.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 180/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/ QĐST- DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Nguyệt N,** sinh năm 1997 và ông **Nguyễn Quốc H1**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 17, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Trần Xuân V**, sinh năm 2004; Địa chỉ: Lô 55 CH2A, đường Nguyễn Công Trứ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Ông **Lê Phi D**, sinh năm 1980 và bà **Trương Thị H**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Anh Trần Xuân V có đơn đề nghị vắng mặt, ông Lê Phi D; bà Trương Thị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N và lời

***khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:** Vào ngày 01/7/2024 vợ chồng bà Trần Thị Nguyệt N ông Nguyễn Quốc H1 có cho vợ chồng ông Lê Phi D và Trương Thị H vay số tiền 2.500.000.000 đồng, hẹn thời hạn trả nợ đến ngày 03/7/2024, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày. Vợ chồng bà N ông H1 đã giao đủ số tiền cho vợ chồng ông D bà H. Mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng.

Tiếp đến ngày 01/8/2024 vợ chồng bà N ông H1 tiếp tục cho vợ chồng ông D bà H vay số tiền 106.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng khi nào cần thì vợ chồng ông H1 bà N sẽ báo trước, lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng. Vợ chồng bà N ông H1 đã giao đủ tiền mà ông D đã kí nhận nợ.

Tiếp đến ngày 02/9/2024 vợ chồng bà N ông H1 tiếp tục cho vợ chồng ông D bà H vay số tiền 116.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng khi nào cần thì vợ chồng ông H1 bà N sẽ báo trước, lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng. Vợ chồng bà N ông H1 đã giao đủ tiền mà ông D đã kí nhận nợ.

Mặc dù đã quá thời hạn trả nợ, vợ chồng ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N đã đòi vợ chồng ông D bà H nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng ông D bà H vẫn chưa trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N. Nay vợ chồng ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Phi D và Trương Thị H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N số tiền nợ gốc 2.712.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cụ thể như sau:

+ Lãi suất trong hạn: Khoản vay ngày 01/7/2024: 2.500.000.000 đồng x 1.67%/ tháng tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 03/7/2024.

+ Lãi suất quá hạn: 2.500.000.000 đồng x 2.5%/ tháng từ ngày 04/7/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

+ Lãi suất 02 khoản vay ngày 01/8/2024 và 02/9/2024 là 222.000.000 đồng x 0.83%/ tháng tính từ ngày 16/9/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Lê Phi D bà Trương Thị H đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/02/2025 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, do vậy việc hòa giải không được.

Tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Phi D bà Trương Thị H trả cho ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N số tiền nợ gốc là 2.712.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính theo quy định của pháp luật. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng

biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N khởi kiện yêu cầu ông Lê Phi D bà Trương Thị H có địa chỉ tại tổ 20, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, phải trả số tiền vay nợ gốc là 2.712.000.000 đồng và lãi suất phát sinh nên xác định quan hệ *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện Bảo Lâm giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện:

3.1 Qua xem xét hợp đồng đáo hạn ngân hàng ngày 01/7/2024 bản gốc mặt trước thể hiện nội dung: Ngày 01/7/2024 ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N cho ông Lê Phi D bà Trương Thị H vay số tiền 2.500.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, hẹn thời hạn trả nợ là đến ngày 03/7/2024, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng.

Tại mặt sau của giấy vay tiền ngày 01/7/2024 bản gốc thể hiện nội dung ngày 01/8/2024 ông Lê Phi D có xác nhận nợ của vợ chồng ông Nga Huỳnh là 106.000.000 đồng. Và ngày 02/9/2024 ông Lê Phi D xác nhận nợ thêm của vợ chồng em Nga Huỳnh là 116.000.000 đồng. Cả 02 khoản vay trên hai bên thỏa thuận miệng khi nào cần thì vợ chồng ông H1 bà N sẽ báo trước, lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng. Vợ chồng bà N ông H1 đã giao đủ tiền mà ông D đã kí nhận nợ.

Mặc dù đã quá thời hạn trả nợ, vợ chồng ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N đã đòi vợ chồng ông D bà H nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng ông D bà H vẫn chưa trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N. Nay vợ chồng ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Phi D bà Trương Thị H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N số tiền nợ gốc 2.712.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cụ thể như sau:

+ Lãi suất trong hạn: Khoản vay ngày 01/7/2024: 2.500.000.000 đồng x 1.67%/ tháng tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 03/7/2024.

+ Lãi suất quá hạn: 2.500.000.000 đồng x 2.5%/ tháng từ ngày 04/7/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

+ Lãi suất 02 khoản vay ngày 01/8/2024 và 02/9/2024 là 222.000.000 đồng x 0.83%/ tháng tính từ ngày 16/9/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm thụ lý giải quyết, đã tiến hành triệu tập vợ chồng ông Lê Phi D bà Trương Thị H để làm việc về khoản nợ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hoà giải và xét xử nhưng vợ chồng ông D bà H đều vắng mặt, cũng không có lời trình bày gì về khoản vay nợ cũng như tiền lãi suất phát sinh.

Vợ chồng bà N ông H1 xuất trình được giấy nợ có chữ kí của vợ chồng ông Lê Phi D bà Trương Thị H trong khi vợ chồng ông D bà H không có lời trình bày gì về các khoản vay nêu trên. Do vậy việc vợ chồng ông D bà H có nợ vợ chồng ông H1 bà N số tiền 2.712.000.000 đồng là có thật. Do vậy có căn cứ để chấp yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N yêu cầu ông Lê Phi D bà Trương Thị H trả nợ số tiền nợ gốc là 2.712.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

3.2 Việc hai bên vay tiền có ghi giấy nợ ngày 01/7/2024 với mức lãi suất là 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ tháng, còn 02 khoản vay ngày 01/8/2024 và ngày 02/9/2024 thì không ghi lãi suất cụ thể cũng như thời gian trả nợ. Vợ chồng bà N ông H1 trình bày vợ chồng ông D bà H chưa trả lãi suất phát sinh nên yêu cầu lãi suất phát sinh là:

+ Lãi suất trong hạn: Khoản vay ngày 01/7/2024: 2.500.000.000 đồng x 1.67%/ tháng tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 03/7/2024 là 4.175.000 đồng

+ Lãi suất quá hạn: 2.500.000.000 đồng x 2.5%/ tháng từ ngày 04/7/2024 đến ngày 11/4/2025 là 09 tháng 06 ngày = 575.000.000 đồng.

+ Lãi suất 02 khoản vay ngày 01/8/2024 và 02/9/2024 là 222.000.000 đồng x 0.83%/ tháng tính từ ngày 16/9/2024 cho đến ngày 11/4/2025 là 12.581.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi suất phát sinh là 587.581.000 đồng. Vợ chồng ông D bà H không trình bày ý kiến về khoản tiền lãi suất đã trả cho vợ chồng ông H1 bà N. Căn cứ vào Hợp đồng đáo hạn ngân hàng ngày 01/7/2024 có thể hiện lãi suất, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn nên khoản vay ngày 01/7/2024 tính lãi suất trong hạn kể từ ngày vay đến hạn trả nợ là 1.67%/ tháng và lãi suất quá hạn kể từ ngày hết hạn đến thời điểm xét xử vụ án theo mức lãi suất là 2.5 %/ tháng mà nguyên đơn yêu cầu là đúng quy định. Còn đối với 02 khoản vay ngày 01/8/2024 và ngày 02/9/2024 không thể hiện lãi suất, thời hạn nào trả nợ nên tính lãi suất là 0.83%/ tháng kể từ ngày khởi kiện là đúng quy định. Do vậy việc vợ chồng bà N ông H1 yêu cầu mức lãi suất, thời điểm tính lãi suất như trên là đúng quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

Do vậy cần căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470, Điều 357 Bộ luật Dân sự cần buộc vợ chồng ông Lê Phi D bà Trương Thị H có nghĩa vụ phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt

N số tiền nợ gốc là 2.712.000.000 đồng tiền nợ gốc và số tiền 587.581.000 đồng lãi suất phát sinh, tổng cộng nợ gốc và lãi suất là 3.299.581.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận nên cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2024/ QĐ- BPKCTT ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Đối với số tiền đảm bảo theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 04/2024/ QĐ- BTHBPBĐ ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm do bà Trần Thị Nguyệt N nộp sẽ được giải quyết khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: Do ông Lê Phi D bà Trương Thị H phải trả cho ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N số tiền 3.299.581.000 đồng nên cần buộc ông Lê Phi D bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 97.991.620 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" đối với bị đơn ông Lê Phi D bà Trương Thị H.

Buộc ông Lê Phi D bà Trương Thị H có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N với số tiền là 3.299.581.000 đồng *(Ba tỉ, hai trăm chín mươi chín triệu, năm trăm tám mươi mốt ngàn đồng);* trong đó tiền nợ gốc là 2.712.000.000 đồng, tiền lãi suất là 587.581.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12-4-2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 04/2024/ QĐ- BPKCTT ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo

đảm số 04/2024/ QĐ- BTHBPBĐ ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm cho đến khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Buộc ông Lê Phi D bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiềnlà 97.991.620 đồng.

Ông Nguyễn Quốc H1 bà Trần Thị Nguyệt N được nhận lại số tiền 43.120.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0007191 ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai, Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Bảo Lâm;*
- *Chi cục THA dân sự H. Bảo Lâm;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sáu **Nguyễn Thị Tài** **Trần Thị Hà Vi**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sáu **Trần Thị Quế** **Trần Thị Hà Vi**